

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 08/06/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1986.

ĐKKHKT và trú tại: Thôn 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và trú tại: Xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị L, anh T có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Đinh Văn T sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 1 năm 2014 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau thời gian chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do luôn bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng sống với nhau nhưng không có quan hệ vợ chồng. Do vậy anh chị đã không thể có con chung, anh chị cũng đã tìm các biện pháp chữa chạy nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc nên năm 2015 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện N để làm ăn sinh sống đồng thời anh chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian ly thân chị và anh T không quan tâm L lạc

với nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và công nợ chung. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 03 tháng 04 năm 2023 bị đơn là anh Đinh Văn T trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị Trần Thị L xin ly hôn anh. Anh và chị L kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Kết hôn do mai mối nên khi về sống chung đã không có sự hòa hợp và tiếng nói chung, chị L về chung sống cùng anh với gia đình anh được một thời gian ngắn thì tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị L để ở từ năm 2016 cho đến nay và không về sống chung với anh nữa. Anh chị đã sống ly thân 7 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L đề nghị ly hôn với anh, hiện gia đình anh theo đạo thiên chúa nên không được phép ly hôn do vậy anh không đồng ý ly hôn với chị L. Anh cũng không đến Tòa án để làm việc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung. Nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị L không có tài sản chung và công nợ vì vậy anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L và anh Đinh Văn T ly hôn.

- Án phí: Chị Trần Thị L nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Đinh Văn T, sinh năm 1990. Có nơi cư trú tại xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh T. Chị L và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Đinh Văn T có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 1 năm 2014 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống và vợ chồng không có con chung. Cả chị L và anh T đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau 7 năm nay không quan tâm L lạc với nhau nữa. Chị L có đơn xin ly hôn anh T đã không đồng ý vì lý do anh theo đạo thiên chúa nên không được ly hôn. Tuy nhiên anh T sau đó đã không có mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm T, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã L xác định: Anh Đinh Văn T là công dân xã L sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn với chị Trần Thị L tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn thì chị L, anh T về xóm 13, xã L để làm ăn sinh sống. Do anh chị được mai mối và kết hôn nên khi về sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Khoảng năm 2016 thì chị L chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã N sinh sống từ đó đến nay cũng không về sống cùng anh T nữa. Qua nắm bắt tại cơ sở thì được biết anh T sức khỏe yếu, công ăn việc làm không ổn định nên thu nhập thất thường, mặt khác do anh chị không có con chung nên tình cảm vợ chồng không có sự gắn bó, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và dẫn đến việc anh chị sống ly thân nhau thời gian dài mà không có biện pháp nào hàn gắn. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm T không thể khắc phục được, anh chị không có con chung và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị L và anh T không có tài sản chung và công nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Đinh Văn T. (Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2/ Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004823 ngày 24 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã N, huyện N.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh